

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 28-12-2020

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Xin ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2020/QĐ-PT ngày 25/11/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án ngày 07/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Nguyên Hồng L; sinh năm 1982; nơi cư trú: đường N, phường B, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước H; sinh năm 1978; nơi cư trú: đường N, phường B, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Phước H – Bị đơn.

(Ông H, bà L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Nguyên Hồng L trình bày: Bà và ông Nguyễn Phước H kết hôn vào ngày 12/11/2008, đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường B’Lao, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện. Trước

khi kết hôn hai người có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay không quan tâm tới nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Phước Đan H1, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2012. Bà L yêu cầu được nuôi cháu H1, bà có đủ điều kiện nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2020 bị đơn ông Nguyễn Phước H trình bày: Ông H thống nhất với ý kiến của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà L trình bày là đúng, nhưng ông cho rằng vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết về đoàn tụ. Về con chung ông H đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con, thích sống với ai thì người đó nuôi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại bản án số 50/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Nguyên Hồng L và ông Nguyễn Phước H.

2/ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phước Đan H1, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2012 cho bà L nuôi, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 13/10/2020, ông Nguyễn Phước H có đơn kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Phước H vẫn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn bà Phạm Nguyên Hồng L không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không

chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Phước H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố Tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Phước H thì:

[2.1] Bà Phạm Nguyên Hồng L và ông Nguyễn Phước H có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2008 tại Ủy ban nhân dân phường B'Lao, thành phố Bảo Lộc. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, trước khi tiến tới hôn nhân có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm nên hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L là do ông H không tin tưởng và không thông cảm cho công việc của bà. Điện thoại liên lạc với bà không được thì ông H nghi ngờ ghen tuông, khi bà đi làm về thì ông H thường xuyên xúc phạm bà và gia đình bà. Đồng thời, ông H không quan tâm chăm sóc gia đình con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì mạnh ai nấy sống không có sự quan tâm đến nhau. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, bà yêu cầu được ly hôn nhưng ông H không đồng ý nên phát sinh tranh chấp và Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[2.2] Còn ông H cho rằng trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà L làm nhân viên tiếp thị cho Công ty mỹ phẩm nên thương xuyên vắng nhà nhiều lúc có công việc cần liên lạc với bà L thì điện thoại không được, nên dẫn tới vợ chồng nghi ngờ, ghen tuông, khi bà L về nhà ông có khuyên nhưng bà L không nghe nên có xảy ra cãi vã qua lại. Theo ông vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông vẫn còn yêu thương vợ con nên ông yêu cầu được đoàn tụ gia đình để lo cho con chung.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn của vợ chồng thì đúng như bà L đã trình bày. Bản thân ông H muốn được đoàn tụ gia đình nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân ông H không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, bà L cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa phúc thẩm bà L vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu được xin ly hôn với ông H.

[2.4] Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông H là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông H. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về con chung: Bà L và ông H có 01 con chung là Nguyễn Phước Đan H1, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2012, hiện cháu đang ở với mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì “... con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập nguyện vọng của con theo quy định thì cháu H có nguyện vọng được ở với bà L nên để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung và tôn trọng nguyện vọng của con chung Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu H cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Về phần cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hơn nữa, phần này ông H không kháng cáo.

[5] Về phần tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Phước H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Nguyên Hồng L và ông Nguyễn Phước H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phước Đan H1, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2012 cho bà L nuôi, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Nguyên Hồng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0016730 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Bà L đã nộp đủ án phí.

Buộc ông Nguyễn Phước H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018682 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc. Ông H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND TP. Bảo Lộc (02);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh